



DZIMA

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DĨ AN

Số 3, Đường số 1, KCN Sóng Thần 1, P. Dĩ An, TX. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Tel: +84 (0274) 3.790.901

Fax: +84 (0274) 3.790.905

Email: info@dzima.com

Website: www.vietgen.com

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019 CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DĨ AN

### I. THÔNG TIN CHUNG:

#### 1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CP CHẾ TẠO MÁY DĨ AN**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700363445
- Vốn điều lệ: 53,959,850,000 đ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 53,959,850,000 đ
- Địa chỉ: Số 3 đường số 1, KCN Sóng Thần, TX Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.
- Số điện thoại: 0274 3790 901
- Số fax: 0274 3790 905
- Website: www.dzima.com
- Mã cổ phiếu: DZM

#### 2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Thành lập:
  - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4603000016, ngày 19/ 1/ 2001.
  - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lại lần thứ 11 số 3700363445 ngày 10/ 10/ 2013
  - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần cuối cùng ngày 01/07/2016.
- Niêm yết:
  - Niêm yết cổ phiếu lần đầu trên sàn giao dịch chứng khoán HNX năm 2009 với số cổ phần phổ thông là 3.449.850
  - Niêm yết bổ sung trên sàn giao dịch chứng khoán HNX năm 2012 với số cổ phần phổ thông bổ sung là 1.946.135. Nâng tổng số cổ phần đang niêm yết của Công ty đến thời điểm hiện tại là 5.395.985 cổ phần.
- Ngành nghề kinh doanh chính:
  - Máy phát điện công nghiệp.
  - Máy thủy và máy phát điện thủy



- Nhà trạm viễn thông

• Địa bàn kinh doanh: Việt nam.

### 3. Các công ty con:

• Công ty TNHH MTV Chế Tạo Máy An Tâm.

- Vốn điều lệ: 4.000.000.000 đồng

- Trụ sở chính: Lô D2, KCN Tam Thắng, Xã Tam Thắng, H.Cư Jut, Đắc Nông

- Ngành nghề: Sản xuất máy phát công nghiệp.

• Công ty TNHH Nhà máy điện sinh khối Tonle Bet

- Vốn đầu tư: 3.500.000 đô la Mỹ

- Trụ sở chính: Ấp Toul Vihea, Xã Shiro Pi Sok, Huyện Tboung Khmum, Tỉnh Kompong Cham, Cambodia.

- Ngành nghề: Nhà máy điện sinh khối chạy bằng trấu hay các loại phế liệu khác với công suất 2,8MW.

- Nay đang tạm dừng vì kinh doanh không hiệu quả.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2019

### 1. Ban điều hành:

• Ông Đặng Đình Hưng: Tổng giám đốc

• Ông Nguyễn Văn Nhân: Giám đốc Tài chính

### 2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2019	THỰC HIỆN 2019
1	Doanh thu	350 tỉ đ	100,5 tỉ đ
	Máy phát điện	100 tỉ đ	77,7 tỉ đ
	Tủ trạm viễn thông	40 tỉ đ	20 tỉ đ
	Máy thủy	30 tỉ đ	2,3 tỉ đ
	Dự án cơ điện	180 tỉ đ	0
2	Lợi nhuận sau thuế	15 tỉ đ	1,85 tỉ đ

### 3. Tình hình tài chính:

<b>TÀI SẢN</b>		<b>2018</b>	<b>2019</b>
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>105,304,702,995</b>	<b>143,962,657,210</b>
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	371,148,896	220,574,710
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	44,566,702,291	76,488,402,199
IV	Hàng tồn kho	60,057,242,805	67,187,572,479
V.	Tài sản ngắn hạn khác	309,609,003	66,107,822
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>25,850,314,836</b>	<b>19,858,113,534</b>
I.	Các khoản phải thu dài hạn		
II.	Tài sản cố định	2,319,576,092	564,152,434
III.	Bất động sản đầu tư		
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	23,408,288,971	19,259,449,943
V.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
VI	Tài sản dài hạn khác	122,449,773	34,511,157
<b>Tổng cộng tài sản</b>		<b>131,155,017,831</b>	<b>163,820,770,744</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>		<b>2018</b>	<b>2019</b>
<b>A.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>80,774,889,457</b>	<b>111,591,331,514</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>80,396.889.972</b>	<b>111,591,331,514</b>
1	Vay và nợ ngắn hạn	48,236.507.399	19,333,453,579
2	Phải trả người bán	9.207.695.799	27,490,733,121
3	Nợ ngắn hạn khác	10.734.399.870	18,863,192,883
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>377.999.485</b>	
1	Phải trả dài hạn người bán		
2	Vay và nợ dài hạn	377.999.485	
3	Doanh thu chưa thực hiện		
<b>B.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>50,380,128,374</b>	<b>52,229,439,230</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>50,380,128,374</b>	<b>52,229,439,230</b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	53,959,850,000	53,959,850,000
2	Thặng dư vốn cổ phần	16,090,726,000	16,090,726,000
3	Quỹ đầu tư phát triển	8,408,263,977	8,408,263,977
4	LN chưa phân phối	(28,078,711,603)	(26,229,400,747)
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>0</b>

**Tổng cộng nguồn vốn****131,155,017,831****163,820,770,744****4. Các đặc điểm chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh:**

- Năm 2019, cơ cấu vốn sản xuất của công ty bị mất cân đối nghiêm trọng. Một phần lớn nguồn vốn bị chôn trong hàng tồn kho lâu năm, thanh khoản kém. Do đó công ty khó khăn chặt vật để trả các khoản nợ đến hạn
- Một số dự án đã hoàn thành nhưng thu nợ chậm
- Đồng thời công ty đã trúng thầu dự án DRUPS trị giá lớn và phải huy động một số vốn lớn tức thời từ nhiều nguồn vay ngắn hạn để thực hiện dự án này
- Vì vậy công ty đã bị khó khăn trong chi trả các khoản nợ đến hạn, các ngân hàng siết chặt các điều kiện giải ngân dẫn đến công ty thiếu tiền để duy trì sản xuất kinh doanh
- Do ngân hàng cắt giảm dư nợ và các dịch vụ bảo lãnh nên trong quý 2 và quý 3 công ty hầu như không có hoạt động kinh doanh nào trừ việc triển khai thực hiện dự án DRUPS.
- Tới quý 4, công ty được một đối tác là 1 doanh nghiệp trong ngành cơ khí ở tỉnh Bình Dương hỗ trợ vốn lưu động để phục hồi việc kinh doanh máy phát điện. Từ đó doanh thu của máy phát điện được phục hồi và qua đầu năm 2020 đã lấy lại được mức phát triển tốt

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

- Cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết: 5.395.985 đ
- Cơ cấu cổ đông (theo Danh sách cổ đông ngày 08/05/2019)

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng cộng	
	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
Tổng số cổ phần:	4.854.047	89,96	541.938	10,04	5.395.985	100,00
1. Cổ đông Nhà nước:	0	0	0	0	0	0
2. Cổ đông nội bộ: (HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng)	1.704.250	31,58			1.704.250	31,58
3. Cổ đông trong công ty:	2.800	0,05			2.800	0,05

4. Cổ đông ngoài công ty:	3.146.997	58,32	541.938	10,04	3.688.935	68,36
Cá nhân	2.355.046	43,64	499.138	9,25	2.854.184	52,89
Tổ chức	791.951	14,68	42.800	0,79	834.751	15,47

- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có
- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.
- Các chứng khoán khác: Không có.

#### 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

- Quản lý nguồn nguyên vật liệu:
  - a) Tổng lượng nguyên vật liệu chính được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm:
    - Thép: 310.000 kg
    - Sơn: 15.653 kg
  - b) Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế để sử dụng để sản xuất sản: Không có.
- Tiêu thụ năng lượng:
  - Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Điện 93.465 KWh.
  - Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có.
  - Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng, báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có.
- Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm:
  - Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Xí Nghiệp Cấp Nước Dĩ An
  - Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có.
- Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:
  - Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.
  - Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.
- Chính sách liên quan đến người lao động:
  - Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: 12.254.452 đ/ tháng
  - Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: BHXH; BHYT; BNTN.

16: 1G PH A 1 1

- Hoạt động đào tạo người lao động:
- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Không có.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Không có..
- Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Không có..

- Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có.

### III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

#### 1. Mục tiêu SXKD năm 2020

- Doanh thu đạt 250 tỉ đồng, phân bổ cho các sản phẩm chính như sau:
  - Máy phát điện công nghiệp: 200 tỉ đồng
  - Trạm biến thông: 50 tỉ đồng
- Lợi nhuận trước thuế (hợp nhất): 17 tỉ đồng
- Nguồn vốn lưu động đạt 80 tỉ đồng, phân bổ cho các nguồn chính như sau:
  - Vốn tự có: 25 tỉ đồng
  - Vay ngắn hạn ngân hàng: 15 tỉ đồng
  - Hạn mức bảo lãnh ngân hàng: 25 tỉ đồng
  - Vay ngắn hạn khác: 15 tỉ đồng

#### 2. Chiến lược phát triển kinh doanh:

- Sản phẩm:

Máy phát điện: Thị trường có nhu cầu lớn nhưng giá bán cạnh tranh thấp trong khi chi phí bán hàng cao. Để duy trì và phát triển doanh thu trong thị trường này, công ty sẽ phải cùng lúc:

- Tăng cường năng lực chào thầu, phần đấu giá các chào thầu trong năm đạt 500-600 tỉ đ. Mở rộng thị trường bao phủ hết các khách hàng cao ốc, nhà máy, công trình nhà nước
- Cạnh tranh bằng giá thấp để tăng cường tỉ lệ trúng thầu ở mức 1/3 – 1/2 số lượng chào thầu.
- Kiểm soát tốt và loại bỏ các dự án rủi ro cao về thanh toán

144  
TY  
HÀM  
C/M  
AM  
31W

Tủ viển thông: hiện chỉ bán được cho 1 nhà mạng duy nhất. Để duy trì và tăng trưởng, công ty sẽ phải:

- Cải tiến sản phẩm, cắt giảm được giá thành
- Giảm giá bán để thâm nhập vào các khá hang nhà mạng lớn khác ở Việt Nam
- Doanh thu và lợi nhuận:
  - Cố gắng đạt doanh thu tối thiểu ở mức 250 tỉ đ. Chuẩn bị sẵn sàng cho cơ hội đạt cao hơn với các gói thầu thiết bị trọn gói lớn.
  - Cố gắng có lãi ròng lớn hơn 5% trên doanh thu đối với mặt hàng máy phát điện truyền thống
- Nguồn vốn:
  - Cố gắng loại bỏ các hàng hóa tồn kho lâu, thanh khoản kém, các chi phí chế phát sinh từ nhiều năm trước
  - Duy trì phần vốn tự có thanh khoản cao
  - Phục hồi các mối quan hệ tín dụng với ngân hàng
  - Xây dựng các mối quan hệ với các đối tác và cá nhân trong dây chuyền cung ứng để tận dụng nguồn vốn của họ

#### IV. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN KIỂM SOÁT

##### 1. Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ điều hành	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Ông ĐẶNG ĐÌNH HÙNG	Thành viên HĐQT kiêm TGD	1.087.123	20%
2	Ông NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG	Thành viên HĐQT không điều hành	289.301	5,3%
3	Ông NGUYỄN QUANG TRUNG	Chủ tịch HĐQT không điều hành	224.400	4.1%
4	Ông VÕ ANH THỤY	Thành viên HĐQT không điều hành	103.426	1.9%
5	Ông PHÙNG MINH TUẤN	Thành viên HĐQT	16,130	

	không điều hành		
--	-----------------	--	--

- Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.
- Hoạt động của Hội đồng quản trị:
  - HĐQT đã họp 4 kì trong năm để trao đổi và đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
  - HĐQT đã ban hành 4 nghị quyết về: 1 vay vốn tại VIETINBANK., 1 Bầu chủ tịch, 1 Mở bảo lãnh tại Sacombank, 1 Thông qua nội dung chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

## 2. Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Chức vụ điều hành
1	Ông ĐÀO NGỌC PHƯƠNG NAM	Thành viên BKS	Không điều hành
2	Ông NGUYỄN VĂN NHÂN	Thành viên BKS	Phụ trách tài chính

- Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát duy trì nhiệm vụ kiểm tra các báo cáo tài chính và tình hình nhân sự nhằm đảm bảo các thông tin được cung cấp minh bạch, chính xác.

## 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

- Thù lao năm 2019 của HĐQT; Ban Giám đốc và BKS

Người nhận	Thù lao
HĐQT	120.000.000 đồng
BKS	48.000.000 đồng
BGD	780.929.000 đồng
Cộng	948.929.000 đồng

- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có
- Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có

## V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:



- Báo cáo tài chính của Công ty đã được lập ra và công bố ngày 27/03/2020 trên hệ thống Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội và Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.
- Báo cáo tài chính của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán và Dịch Vụ Tin Học TP. HCM ngày phát hành 25/03/2020 cho báo cáo tài chính riêng và ngày 27/03/2020 cho báo cáo tài chính hợp nhất.
- Toàn văn báo cáo tài chính được cập nhật trên trang web của công ty: [www.dzima.com](http://www.dzima.com).

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

